TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH KIÊN GIANG Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST Ngày 17/6/2019 *Về việc "Tranh chấp ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Từ Tứ Hải**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát *nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/ QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị C**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: 235, tổ 10, ấp B, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn Chung K**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 235, tổ 10, ấp B, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lê Thị C trình bày:*** Chị C và anh Nguyễn Chung Kchung sống với nhau vào ngày 10 tháng 10 năm 2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/12/2014. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 06 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K có tính cờ bạc, không lo cho gia đình, vợ chồng thường cự cãi nhau, chị C có khuyên nhiều lần nhưng anh K vẫn không thay đổi. Từ đó vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Hiện nay chị C đã về nhà cha mẹ ruột sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên:

1. Nguyễn Như Q, sinh ngày 02/9/2006
2. Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 04/7/2012

Hiện nay hai cháu đã có giấy khai sinh và đang sống chung với chị C.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung gì.

Về nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị C yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị C yêu cầu được ly hôn với anh K.

- *Về con chung*: Chị C yêu cầu được nuôi hai người con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Chung K với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh K vắng mặt. Xét thấy anh K đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh K vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh K là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 75/2014, quyển số 01/2014 ngày 11/12/2014 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị C cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, chị C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K có tính ham chơi cờ bạc, không lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến việc

vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chị C có khuyên và cho anh K cơ hội nhiều lần nhưng anh K vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh K không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh K và anh K cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị C. Tại phiên tòa chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*" . Xét thấy thực tế giữa chị C và anh K không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không ai quan tâm đến ai, không ai có ý muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng, xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị C.

[4] Về quan hệ con chung: chị C xác nhận chị và anh K có 02 người con chung là: Nguyễn Như Q, sinh ngày 02/9/2006 và Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 04/7/2012, các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống với chị C.

Tại phiên tòa chị C yêu cầu được nuôi cháu Q và cháu T, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *"vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Xét yêu cầu của chị C xin được nuôi cháu Q và cháu T là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với đạo đức xã hội, bởi lẽ theo nguyện vọng của cháu Q là xin được sống với chị C và chị C cho rằng kinh tế của chị nuôi được hai cháu, hơn nữa cháu Q và cháu T là con gái nên cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ nhiều hơn, mặt khác anh K không có ý kiến gì về việc chị C xin được nuôi cháu Q và cháu T. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được nuôi cháu Q và cháu T, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con của chị C. Tiếp tục giao các cháu: Nguyễn Như Q, sinh ngày 02/9/2006 và Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 04/7/2012 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung.

Khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị C. Cho ly hôn giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Chung K.

2. Về quan hệ con chung: Chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Lê Thị C. Tiếp tục giao các cháu: Nguyễn Như Q, sinh ngày 02/9/2006 và Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 04/7/2012 cho chị Lê Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Chung K không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung.

Khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí HNST: Buộc chị Lê Thị C phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005354 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *UBND xã H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái